

# THAY ĐỔI CƠ CẤU BỆNH LÝ VÀ MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG TÂM LÝ NGHỀ NGHIỆP CỦA 250 CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG TÁC TRÊN MỘT SỐ ĐẢO XA BỜ

Lê Văn Quang<sup>1\*</sup>  
Nguyễn Hồng Quang<sup>1</sup>, Hoàng Văn Huân<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá sự thay đổi cơ cấu bệnh lý và mức độ thích ứng tâm lý nghề nghiệp của cán bộ, chiến sĩ công tác trên một số đảo xa bờ.

**Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 250 cán bộ, chiến sĩ công tác trên một số đảo xa bờ, từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020; gồm nhóm 1 (140 người, công tác trên đảo từ 8-17 tháng) và nhóm 2 (110 người, công tác trên đảo ít nhất 18 tháng). Phân loại cơ cấu bệnh lý theo ICD-10. Đánh giá tình trạng căng thẳng cảm xúc bằng bảng câu hỏi Spielberger. Đánh giá khả năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp bằng trắc nghiệm OSI-R.

**Kết quả:** Trên nhóm 1, sự thay đổi cơ cấu bệnh lý trước và sau khi ra đảo không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Trên nhóm 2, tỉ lệ mắc các bệnh hệ tuần hoàn trước khi ra đảo (7,3%) thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với sau khi ra đảo (30,9%), khác biệt với  $p < 0,05$ ; các bệnh lý khác có sự thay đổi, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Mức độ lo âu trước và sau khi ra đảo có sự thay đổi ở cả nhóm 1 (tỉ lệ lo âu mức độ vừa tăng từ 12,86% lên 25,00%, với  $p < 0,01$ ; tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% lên 3,57%) và nhóm 2 (tỉ lệ lo âu mức độ vừa tăng từ 14,55% lên 43,64%, với  $p < 0,01$ ; tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% lên 6,36%; xu hướng bệnh lý tăng từ 0% lên 2,73%). Về khả năng và kĩ năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp: người có thời gian công tác trên đảo từ 8-17 tháng thì có sự suy giảm về khả năng và kĩ năng thích ứng tâm lý với các yếu tố nghề nghiệp và cá nhân, khác biệt với  $p < 0,05$ ; người có thời gian công tác trên đảo  $\geq 18$  tháng thì có khả năng và kĩ năng thích ứng tâm lý với các yếu tố nghề nghiệp và cá nhân không khác biệt so với trước khi ra đảo ( $p > 0,05$ ).

**Từ khóa:** Thích ứng tâm lý nghề nghiệp, cơ cấu bệnh lý, căng thẳng cảm xúc.

## ABSTRACT

**Objectives:** The objective of this study was to assess the changes in the pathological structure and the level of occupational psychological adaptation of officers and soldiers working on offshore islands.

**Subjects and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted, analyzing over 250 officers and soldiers working on offshore islands from February, 2018 to January, 2020. The participants were divided into two groups: group 1 included 140 individuals who had been working on the island for 8-17 months, and group 2 included 110 individuals who had been working on the island for at least 18 months. The pathological structure was classified according to ICD-10. Emotional stress was assessed using the Spielberger questionnaire, and occupational psychological adaptation was assessed using the OSI-R test.

**Results:** In group 1, the changes in the pathological structure before and after going to the island were not statistically significant ( $p > 0.05$ ). In group 2, the prevalence of circulatory system diseases after going to the island (30.9%) was significantly higher than before going to the island (7.3%), with a p-value of less than 0.05. Other diseases also changed, but the differences were not statistically significant ( $p > 0.05$ ). The level of anxiety increased in both group 1 and group 2 after going to the island. In group 1, the rate of moderate anxiety increased from 12.86% to 25.00% ( $p < 0.01$ ), and the rate of high anxiety increased from 0% to 3.57%. In group 2, the rate of moderate anxiety increased from 14.55% to 43.64% ( $p < 0.01$ ), and the rate of high anxiety increased from 0% to 6.36%. The ability and skills to adapt to occupational psychology declined in individuals who had worked on the island for 8-17 months, different with  $p < 0.05$ . However, those who had worked on the island for 18 months or more showed no significant difference in their ability and skills to adapt to occupational and personal factors before and after going to the island ( $p > 0.05$ ).

**Keywords:** Occupational psychological adaptation, pathological structure, emotional stress.

Chịu trách nhiệm nội dung: Nguyễn Duy Đông, Email: lequang217@gmail.com

Ngày gửi bài: 09/8/2024; mời phản biện khoa học: 8/2024; chấp nhận đăng: 09/9/2024.

<sup>1</sup>Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước có bờ biển dài 3.260 km, khoảng 3.000 đảo lớn nhỏ khác nhau, trong đó có nhiều quần đảo giữ vị trí quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Phần lớn các đảo cách xa đất liền, thiếu về cơ sở vật chất, điều kiện thời tiết khắc nghiệt... Do đó, quá trình lao động, công tác, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ trên các đảo gặp nhiều yếu tố khó khăn và bất lợi... Góp phần tăng cường sức mạnh chiến đấu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao của các đơn vị trên các đảo, công tác bảo đảm sức khỏe, đặc biệt là vấn đề về tâm sinh lý của bộ đội cần được quan tâm đúng mức.

Trên thế giới, đã có những nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm đánh giá khả năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp (OSI-R) của Opiso (1998) [5] và bộ câu hỏi trắc nghiệm Spielberg [3] nhằm đánh giá thay đổi cơ cấu bệnh lý, mức độ lo âu và sự thích ứng tâm lý nghề nghiệp của người lao động [2]. Tại Việt Nam, hiện chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá mức độ lo âu và sự thích ứng tâm lý nghề nghiệp của cán bộ chiến sĩ đang hoạt động trên các khu vực đảo xa bờ.

Chúng tôi ứng dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm OSI-R và Spielberg trong nghiên cứu này nhằm đánh giá sự thay đổi cơ cấu bệnh lý và mức độ thích ứng nghề nghiệp của cán bộ, chiến sĩ hoạt động trên các đảo xa bờ.

## 2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

250 cán bộ, chiến sĩ (gọi chung là đối tượng nghiên cứu - ĐTNC) đang công tác tại các đảo xa bờ, từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020. Lựa chọn ĐTNC đồng ý tham gia nghiên cứu. Chia ĐTNC thành 2 nhóm:

+ Nhóm 1: 140 người, công tác trên đảo từ 8 đến 17 tháng.

+ Nhóm 2: 110 người, công tác trên đảo ít nhất 18 tháng.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang có phân tích. Thời điểm khảo sát: trước khi các ĐTNC ra đảo công tác và sau khi ĐTNC đã công tác trên các đảo ít nhất 8 tháng (với nhóm 1) và ít nhất 18 tháng (với nhóm 2).

- Đánh giá BMI theo tiêu chuẩn của WHO cho người châu Á; phân loại sức khỏe theo ICD-10.

- Đánh giá khả năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp bằng bộ câu hỏi OSI-R, gồm:

+ Test ORQ (đánh giá khả năng thích ứng tâm lý liên quan đến 6 yếu tố nghề nghiệp): sự quá

tải công việc; sự thiếu khả năng trong thực hiện công việc; không hiểu rõ công việc khi thực hiện; mối quan hệ với người khác khi thực hiện công việc; trách nhiệm của bản thân khi thực hiện công việc; tác động của yếu tố môi trường khi thực hiện công việc.

+ Test PSQ (đánh giá khả năng thích ứng tâm lý liên quan đến các yếu tố cá nhân, gồm 4 yếu tố): không yêu thích nghề nghiệp; trạng thái tâm lý cá nhân; mối quan hệ gia đình, xã hội không thuận lợi; sức khỏe thể lực không tốt.

+ Test PRQ (đánh giá kỹ năng thích ứng tâm lý với nghề nghiệp, gồm 4 yếu tố): sự giải trí; tự chăm sóc bản thân; hỗ trợ xã hội; ứng phó hợp lý với công việc.

Mỗi yếu tố đánh giá đều có 10 câu hỏi. ĐTNC lựa chọn trả lời các câu hỏi theo phương án phù hợp nhất. Tổng điểm của mỗi test được tính toán thành chỉ số T-score để đánh giá kết quả. Cụ thể:

\* Với test ORQ và PSQ: T-score  $\geq$  70: căng thẳng mức độ nặng; T-score từ 60-69: căng thẳng mức độ vừa; T-score từ 40-59: căng thẳng mức độ nhẹ; T-score  $<$  40: không có căng thẳng.

\* Với test PRQ: T-score  $\geq$  60: khả năng thích ứng tâm lý tốt; T-score từ 40-59: khả năng thích ứng tâm lý trung bình; T-score từ 30-39: khả năng thích ứng tâm lý kém; T-score  $<$  30: mất khả năng thích ứng tâm lý.

- Đánh giá tình trạng căng thẳng cảm xúc (lo âu) bằng bảng thang điểm Spielberg [3]: ĐTNC đọc từng câu trên phiếu in sẵn và lựa chọn mức độ phù hợp theo ý đầu tiên xuất hiện trong quá trình suy nghĩ. Tổng điểm của mỗi bộ câu hỏi được tính toán thành chỉ số LN để đánh giá mức độ lo âu. Cụ thể:

+ Giá trị chỉ số LN  $<$  30: mức độ căng thẳng cảm xúc thấp.

+ Giá trị chỉ số LN từ 31-45: mức độ căng thẳng cảm xúc vừa.

+ Giá trị chỉ số LN từ 46-64: mức độ căng thẳng cảm xúc cao.

+ Giá trị chỉ số LN  $\geq$  65: có xu hướng bệnh lý.

- Đạo đức: nghiên cứu được Hội đồng đạo đức Trung tâm nhiệt đới Việt Nga thông qua và được chỉ huy đơn vị có cán bộ, chiến sĩ tham gia nghiên cứu đồng ý. Mọi thông tin cá nhân về ĐTNC được bảo mật và chỉ sử dụng trong nghiên cứu.

- Xử lý số liệu: bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Kết quả thể hiện dưới dạng tỉ lệ %, so sánh tỉ lệ dùng kiểm định chi bình phương. Khác biệt có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ .

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

#### 3.1. Sự thay đổi cơ cấu bệnh lí của ĐTNC

**Bảng 1. Sự thay đổi chỉ số BMI [6] của ĐTNC**

BMI (kg/m <sup>2</sup> )	Nhóm 1 (n = 140)		Nhóm 2 (n = 110)	
	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng
Dưới 18,5 (gầy)	0	0	0	0
Từ 18,5-22,9 (bình thường)	75 (53,6%)	71 (50,7%)	63 (57,3%)	66 (60,0%)
Từ 23-24,9 (thừa cân)	63 (45,0%)	67 (47,9%)	45 (40,9%)	43 (39,1%)
Từ 25-29,9 (béo phì độ 1)	2 (1,4%)	2 (1,4%)	2 (1,8%)	1 (0,9%)
p	> 0,05		> 0,05	

Bảng 1 cho thấy có sự thay đổi chỉ số BMI ở các ĐTNC trước và sau khi ra đảo, tuy nhiên khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Cụ thể: tỉ lệ thừa cân ở nhóm 1 tăng 2,9% (từ 45,0% tăng lên 47,9%); ở nhóm 2 giảm 1,8% (từ 40,9% xuống còn 39,1%). Tỉ lệ béo phì độ 1 ở nhóm 2 giảm 0,9% (từ 1,8% xuống còn 0,9%).

**Bảng 2. Sự thay đổi cơ cấu bệnh lí của ĐTNC tại nhóm**

Bệnh lí	Nhóm 1 (n = 140)			Nhóm 2 (n = 110)		
	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng	p	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng	p
Tuần hoàn	15 (10,7%)	19 (13,6%)	> 0,05	8 (7,3%)	34 (30,9%)	< 0,01
Hô hấp	0	0	-	0	0	-
Tiêu hóa	22 (15,7%)	26 (18,6%)	> 0,05	16 (14,5%)	29 (26,4%)	> 0,05
Tiết niệu sinh dục	6 (4,3%)	8 (5,7%)	> 0,05	5 (4,5%)	10 (9,1%)	> 0,05
Nội tiết	0 (0,0%)	1 (0,7%)	> 0,05	0(0,0%)	3 (2,7%)	> 0,05
Thần kinh	2 (1,4%)	2 (1,4%)	> 0,05	5 (4,5%)	6 (5,5%)	> 0,05
Tâm thần	0	0	-	0	0	-
Da liễu	0	0	-	0	0	-
Hệ vận động	1 (0,7%)	1(0,7%)	> 0,05	3 (2,7%)	3 (2,7%)	> 0,05
Mắt			-	10 (9,1%)	10 (9,1%)	> 0,05
Tai - Mũi - Họng	11 (7,9%)	11 (7,9%)	> 0,05	18 (16,4%)	29 (26,4%)	> 0,05

Bảng 2 cho thấy có sự thay đổi cơ cấu bệnh lí nhất định, tuy nhiên thay đổi ở nhóm 1 không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Ở nhóm 2, tỉ lệ mắc các bệnh về tuần hoàn tăng từ 7,3% trước khi ra đảo lên 30,9% sau khi ra đảo, khác biệt với  $p < 0,05$ ; các nhóm bệnh khác có sự thay đổi, nhưng khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Sự thay đổi này có thể do những tác động bất lợi của môi trường sống, lao động (thời tiết, điều kiện sinh hoạt, yêu cầu nhiệm vụ...) lên các ĐTNC.

#### 3.2. Sự thay đổi mức độ lo âu của ĐTNC theo thang đánh giá lo âu Spielberger

**Bảng 3. Sự thay đổi mức độ lo âu của ĐTNC theo thang đánh giá lo âu Spielberger**

Mức độ lo âu	Nhóm 1 (n = 140)			Nhóm 2 (n = 110)		
	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng	p	Trước khi ra đảo	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng	p
Thấp	122 (87,1%)	100 (71,4%)	< 0,05	94 (85,5%)	52 (47,3%)	< 0,05
Vừa	18 (12,9%)	35 (25,00%)	< 0,01	16 (14,5%)	48 (43,6%)	< 0,01
Cao	0	5 (3,6%)	-	0	7 (6,4%)	-
Xu hướng bệnh lí	0	0	-	0	3 (2,7%)	-

Bảng 3 cho thấy, nhóm 1 có tỉ lệ lo âu mức độ vừa tăng từ 12,86% (trước khi ra đảo) lên 25,00% (sau khi ra đảo), khác biệt có ý nghĩa thống kê, với  $p < 0,01$ ; tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% (trước khi ra đảo) lên 3,57% (sau khi ra đảo). Nhóm 2 có tỉ lệ lo âu mức độ vừa tăng gần 3 lần (từ 14,55% lên 43,64%), khác biệt có ý nghĩa thống kê, với  $p < 0,01$ ; tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% lên 6,36%. Đặc biệt, có 3 ĐTNC (2,73%) ở nhóm 2 xuất hiện tình trạng xu hướng bệnh lí. Điều này chỉ ra, ĐTNC có thời gian công tác tại các đảo xa bờ càng dài thì chỉ số lo âu càng tăng.

**3.3. Đánh giá sự thích ứng tâm lí nghề nghiệp của ĐTNC bằng bộ câu hỏi OSI-R**

**Bảng 4. Đánh giá sự thích ứng tâm lí (ORQ) liên quan yếu tố nghề nghiệp của ĐTNC**

Các yếu tố đánh giá	Nhóm 1 (T-score > 60)		Nhóm 2 (T-score > 60)		p
	Trước khi ra đảo <sup>1</sup>	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng <sup>2</sup>	Trước khi ra đảo <sup>3</sup>	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng <sup>4</sup>	
Quá tải công việc	10 (7,1%)	21 (15,0%)	9 (8,2%)	11 (10,0%)	$p_{1-2} < 0,05$ ; $p_{3-4} > 0,05$
Thiếu khả năng trong thực hiện công việc	15 (10,7%)	33 (23,6%)	12 (10,9%)	13 (11,8%)	
Chưa hiểu rõ về công việc	12 (8,6%)	34 (24,3%)	8 (7,3%)	9 (8,2%)	
Mối quan hệ với người khác	11 (7,9%)	25 (17,9%)	9 (8,2%)	9 (8,2%)	
Trách nhiệm bản thân	19 (13,6%)	38 (27,1%)	14 (12,7%)	15 (13,6%)	
Tác động các yếu tố môi trường	15 (10,7%)	24 (17,1%)	12 (10,9%)	12 (10,9%)	

Bộ câu hỏi ORQ nhằm đánh giá khả năng thích ứng tâm lí liên quan đến các yếu tố nghề nghiệp, điểm T-score càng cao cho thấy khả năng thích ứng nghề nghiệp càng thấp. Điểm T-score trên 60 thể hiện khả năng thích ứng nghề nghiệp không tốt ở mức độ nhẹ. Bảng 4 cho thấy, các ĐTNC có chỉ số T-score > 60 ở nhóm 1 sau khi ra đảo, tỉ lệ đánh giá trên các yếu tố quá tải công việc, thiếu khả năng trong thực hiện công việc, chưa hiểu rõ về công việc, mối quan hệ với người khác, trách nhiệm bản thân, tác động các yếu tố môi trường (lần lượt là: 15,0%, 23,6%, 24,3%, 17,9%, 27,1% và 17,1%) đều cao hơn so với trước khi ra đảo (lần lượt là 7,1%, 10,7%, 8,6%, 7,9%, 13,6% và 10,7%), khác biệt có ý nghĩa thống kê, với  $p < 0,05$ . Như vậy, sau 8-17 tháng ra đảo, tỉ lệ thích ứng nghề nghiệp ở nhóm 1 giảm, có thể do điều kiện hoạt động bất lợi, mức độ lo âu tăng. Phân tích mức độ thay đổi tâm lí ở ĐTNC nhóm 2, thấy tỉ lệ có chỉ số T-score > 60 trước và sau khi ra đảo khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). ĐTNC công tác tại các đảo ít nhất 18 tháng có sự thích ứng tâm lí liên quan đến các yếu tố nghề nghiệp cao hơn so với ĐTNC công tác tại các đảo từ 8-17 tháng.

**Bảng 5. Đánh giá sự thích ứng tâm lí (PSQ) liên quan yếu tố cá nhân của ĐTNC**

Các yếu tố đánh giá	Nhóm 1 (T-score > 60)		Nhóm 2 (T-score > 60)		p
	Trước khi ra đảo <sup>1</sup>	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng <sup>2</sup>	Trước khi ra đảo <sup>3</sup>	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng <sup>4</sup>	
Không yêu thích nghề nghiệp	5(3,6%)	11(7,9%)	5(4,5%)	5(4,5%)	$p_{1-2} < 0,05$ ; $p_{3-4} > 0,05$
Trạng thái tâm lí cá nhân	27(19,3%)	45(32,1%)	22(20,0%)	20(18,2%)	
Mối quan hệ gia đình, xã hội không thuận lợi	19(13,6%)	20(14,3%)	16(14,5%)	15(13,6%)	
Sức khỏe thể lực không tốt	20(14,3%)	38(27,1%)	16(14,5%)	15(13,6%)	

Đối với bộ câu hỏi PSQ, điểm T-score > 60 thể hiện sự thiếu thích ứng tâm lí liên quan các yếu tố cá nhân. Bảng 5 cho thấy kết quả tương tự bảng 4 (với bộ câu hỏi ORQ), đó là: các ĐTNC có chỉ số T-score > 60 ở nhóm 1, sau thời gian công tác trên đảo 8-17 tháng, tỉ lệ các yếu tố đánh giá (không yêu thích nghề nghiệp: 7,9%, trạng thái tâm lí cá nhân: 32,1%, mối quan hệ gia đình, xã hội không thuận lợi: 14,3%, sức khỏe thể lực không tốt: 27,1%) đều tăng so với trước khi ra đảo (tỉ lệ tương ứng lần lượt là 3,6%, 19,3%, 13,6%, 14,3%); khác biệt có ý nghĩa thống kê, với  $p < 0,05$ . Các ĐTNC có chỉ số T-score > 60 ở nhóm 2, sau thời gian công tác trên đảo ít nhất 18 tháng, các yếu tố đánh giá (không yêu thích nghề nghiệp: 4,5%, trạng thái tâm lí cá nhân: 18,2%, mối quan hệ gia đình, xã hội không thuận lợi: 13,6%, sức khỏe thể lực không tốt: 13,6%) đều giảm so với trước khi ra đảo (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là 4,5%, 20,0%, 14,5%, 14,5%); song khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).



**Bảng 6. Đánh giá sự thay đổi kỹ năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp (PRQ) của ĐTNC**

Các yếu tố đánh giá	Nhóm 1 (T-score < 39)		Nhóm 2 (T-score < 39)		p
	Trước khi ra đảo <sup>1</sup>	Sau khi ra đảo từ 8-17 tháng <sup>2</sup>	Trước khi ra đảo <sup>3</sup>	Sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng <sup>4</sup>	
Sự giải trí	10 (7,1%)	21 (15,0%)	7 (6,4%)	17 (15,5%)	p <sub>1-2</sub> < 0,05; p <sub>3-4</sub> > 0,05
Tự chăm sóc bản thân	22 (15,7%)	46 (32,9%)	19 (17,3%)	20 (18,2%)	
Hỗ trợ xã hội	12 (8,6%)	25 (17,9%)	10 (9,1%)	19 (17,3%)	
Ứng phó hợp lý với công việc	12 (8,6%)	25 (17,9%)	9 (8,2%)	9 (8,2%)	

Đối với bộ câu hỏi PRQ, điểm T-score < 39 thể hiện khả năng thích ứng tâm lý kém hoặc không có kỹ năng thích ứng tâm lý. Bảng 6 cho thấy ĐTNC có chỉ số T-score < 39 ở nhóm 1 sau khi ra đảo công tác 8-17 tháng, các tỉ lệ đánh giá về sự giải trí (15,0%), tự chăm sóc bản thân (32,9%), hỗ trợ xã hội (17,9%), ứng phó hợp lý với công việc (17,9%) đều tăng so với trước khi ra đảo (các tỉ lệ tương ứng lần lượt là 7,1%, 15,7%, 8,6% và 8,6%); khác biệt có ý nghĩa thống kê, với  $p < 0,05$ . ĐTNC có chỉ số T-score < 39 ở nhóm 2 sau khi ra đảo công tác ít nhất 18 tháng, các tỉ lệ đánh giá về sự giải trí (15,5%), tự chăm sóc bản thân (18,2%), hỗ trợ xã hội (17,9%), ứng phó hợp lý với công việc (8,2%) đều tăng so với trước khi ra đảo (các tỉ lệ tương ứng lần lượt là 6,4%, 17,3%, 9,1%, 8,2%); khác biệt không có ý nghĩa thống kê, với  $p > 0,05$ .

**4. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu 250 ĐTNC đang công tác tại các đảo xa bờ, từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2020, gồm nhóm 1 (140 người, công tác trên đảo từ 8-17 tháng) và nhóm 2 (110 người, công tác trên đảo ít nhất 18 tháng), đánh giá tại thời điểm trước khi ra đảo và sau khi ra đảo công tác ít nhất 8 tháng (với nhóm 1) và ít nhất 18 tháng (với nhóm 2), kết luận:

- Sự thay đổi cơ cấu bệnh lý ở ĐTNC trước và sau khi ra đảo từ 8-17 tháng (nhóm 1) không có sự biệt ( $p > 0,05$ ). Sự thay đổi cơ cấu bệnh lý trước và sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng (nhóm 2): bệnh lý tuần hoàn tăng từ 7,3% lên 30,9%, khác biệt với  $p < 0,05$ ; các bệnh lý khác thay đổi không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

- Sự thay đổi mức độ lo âu trước và sau khi ra đảo từ 8-17 tháng (nhóm 1): lo âu mức độ vừa tăng từ 12,86% lên 25,00% (khác biệt với  $p < 0,01$ ); tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% lên 3,57%. Sự thay đổi mức độ lo âu trước và sau khi ra đảo ít nhất 18 tháng (nhóm 2): lo âu mức độ vừa tăng từ 14,55% lên 43,64% (khác biệt với  $p < 0,01$ ); tỉ lệ lo âu mức độ cao tăng từ 0% lên 6,36%; xu hướng bệnh lý tăng từ 0% lên 2,73%.

- Khả năng và kỹ năng thích ứng tâm lý nghề nghiệp: ĐTNC công tác trên đảo ít nhất 8 tháng (nhóm 1) có sự suy giảm về khả năng và kỹ năng thích ứng tâm lý với các yếu tố nghề nghiệp và cá nhân (khác biệt với  $p < 0,05$ ). ĐTNC công tác trên các đảo ít nhất 18 tháng (nhóm 2) có khả năng và kỹ năng thích ứng tâm lý với yếu tố nghề nghiệp và cá nhân không khác biệt so với trước khi ra đảo ( $p > 0,05$ ).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Cục Hậu cần Hải Quân (2013), *Địa lý y tế quân sự huyện Trường Sa*, Quân chủng Hải quân, Hải Phòng, 2013, tr.8-105.
2. Nguyễn Tùng Linh, Nguyễn Minh Phương (2017), “Đánh giá sự thích tâm lý nghề nghiệp ở thủy thủ tàu ngầm”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt đới*, S 13, 11.
3. Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc (2004), *Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng*, Nhà xuất bản quân đội nhân dân, 2004, tr. 16-122.
4. Osipow S.H (1998), “Occupational Stress Inventory-Revised Edition (OSI-R), USA: Psychological Assessment Resources”, *Inc*, 1998.
5. Zhang H, Shao M.M, Lin X.D, Cheng L.J, Ovljakulov B, Chen B.B, Chen K.Y (2021), “A cross-sectional survey on occupational stress and associated dyslipidemia among medical staff in tertiary public hospitals in Wenzhou, China”, *Brain Behav*, 2021 Mar;11(3):e02014. doi: 10.1002/brb3.2014.
6. Lim J.U, Lee J.H, Kim J.S, Hwang Y.I, Kim T.H, Lim S.Y, Yoo K.H, Jung K.S., Kim Y.K, Rhee C.K (2017), “Comparison of World Health Organization and Asia-Pacific body mass index classifications in COPD patients”, *Int J Chron Obstruct Pulmon Dis*, 2017 Aug 21;12:2465-2475. doi: 10.2147/COPD.S141295. □